TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 18-7-2023
V/v: "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Trang.

Bà Phan Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Huế- Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLPT-HNGĐ ngày 05/5/2023 về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do Bản án số 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá N, sinh năm: 1996; Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh P, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 2000; Địa chỉ: xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T- bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Bá N trình bày:

Anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh, chị không có hạnh phúc nên chị T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn. Tại bản án số 12/2022/HNGD-ST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ quyết định: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá N; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được; Anh N không cấp dưỡng nuôi cháu H vì chị T không yêu cầu. Quá trình được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H thì chị T không trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, mà đi làm ăn xa nhà giao cháu H cho mẹ đẻ của chị T trông nom, nuôi dưỡng.

Thời điểm ly hôn và trước khi ly hôn cháu H ở cùng anh ở Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, chị T bỏ về quê ở Lai Châu, do khi ly hôn cháu H dưới 36 tháng tuổi nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tuyên giao cháu H cho mẹ nuôi dưỡng, anh N vẫn thường xuyên lên thăm cháu.

Hiện nay anh có vốn góp vào hộ kinh doanh phòng hát karaoke tại địa chỉ số 16 đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội, anh có nơi ở ổn định, công việc có thu nhập giao động từ 8.800.000 đồng đến 38.800.000 đồng/tháng, có nhiều thời gian để chăm sóc con tốt hơn. Vì vậy, anh yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và đề nghị Tòa án giao cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị xác nhận lời trình bày về kết hôn, ly hôn, con chung là đúng. Sau khi ly hôn chị đón cháu H về bản S, xã M, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu ở cùng mẹ đẻ. Chị thừa nhận chị có đi làm ăn xa tại công ty Samsung thuộc tỉnh Thái Nguyên, nhưng chị thường xuyên gọi điện hỏi thăm và thường xuyên về thăm con. Lương của chị giao động từ 7.000.000 đồng đến gần 15.000.000 đồng/tháng. Chị cho rằng chị đủ dều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cả về vật chất và tinh thần. Nay anh Nguyễn Bá N đề nghị nuôi cháu Nguyễn Quốc H chị không đồng ý.

Kết quả xác minh tại Trưởng bản S, xã M, huyện Than Uyên ngày 15/02/2023 xác định: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không biết. Hiện nay cháu Nguyễn Quốc H chủ yếu do bà Phùng Thị T (mẹ chị T) chăm sóc, đưa, đón đi học *(BL 60)*.

Bà Phùng Thị T cũng thừa nhận từ ngày 23/02/2022, bà là người trực tiếp

chăm sóc, đưa đón cháu Nguyễn Quốc H đi học tại trường mầm non S, xã M, từ khi ly hôn chị T đi làm công ty Samsung tại Thái nguyên, tháng về thăm con một lần và đưa tiền cho bà nuôi cháu H *(BL 61)*.

Bản án sơ thẩm số: 05/2023/HNGĐ-ST ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã căn cứ: Điều 81, Điều 82, Điều 83, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá N.

- Giao con chung Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019 cho nguyên đơn anh Nguyễn Bá N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động. Buộc bị đơn Nguyễn Thị T phải giao con chung Nguyễn Quốc H cho nguyên đơn Nguyễn Bá N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nguyên đơn.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2023, bị đơn chị Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H; chị xuất trình hợp đồng lao động thể hiện chị có việc làm tại huyện T với mức lương 6.000.000 đồng; xác nhận của chính quyền địa phương đề ngày 25/3/2023 về việc hiện tại chị đang sinh sống địa phương; hai sổ tài khoản tiền gửi đứng tên chị và một bản án hình sự sơ thẩm ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Bá N 15 tháng tù về tội "chứa mại dâm".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc giao con Nguyễn Quốc H cho anh N nuôi dưỡng. Với lý do từ khi Tòa án giải quyết ly hôn và giao con cho chị nuôi dưỡng, anh N chưa cấp

dưỡng cho chị tiền để nuôi con chung, hiện nay anh N làm nghề nghiệp kinh doanh dịch vụ Kaoraoke nên môi trường sống của anh N không lành mạnh, anh N có tiền án về tội chứa mại dâm và gây gổ đánh nhau trong quán Kaoraoke. Vì vậy, việc nuôi dạy con, để con phát triển tâm sinh lý sẽ bị ảnh hưởng không tốt nên chị đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N.

- Anh Nguyễn Bá N trình bày: Anh không đồng ý kháng cáo của chị T, vì từ khi sinh con ra chị T không trực tiếp nuôi con, khi vợ chồng mâu thuẫn chị T bỏ con cho anh nuôi về sống với mẹ đẻ ở Lai Châu; Anh khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T nhất quyết ly hôn; sau ly hôn anh vẫn mong vợ chồng đoàn tụ để con có đầy đủ bố, mẹ và anh có liên lạc gọi điện cho chị T nhiều lần nhưng chị T không nghe. Anh lên T con thì biết từ khi đón con về chị T không trực tiếp nuôi dưỡng bỏ mặc con ở với bà ngoại, trong nhà bà ngoại thì ngoài anh trai chị T sinh sống cùng, còn có hai ông cậu (em của mẹ chị T), hiện nay hai ông cậu đó còn có biểu hiện sức khỏe không bình thường. Vì vậy môi trường nuôi dưỡng con không tốt; còn việc chị T xuất trình bản án hình sự là đúng, nhưng đó là quá khứ thời kỳ anh chưa quen biết, yêu đương chị T. Do vậy anh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 308, Điều 28, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2014/UBNTQH14 ngày 30/12/2016, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 30/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị T được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273;

Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Do đó kháng cáo của chị Nguyễn Thị T là hợp lệ được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo: Theo lời khai thống nhất của các đương sự và các tài liệu trong hồ sơ: Năm 2022, anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T có quyết định ly hôn. Tại bản án số 12/2022/HNGD-SST, ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ quyết định: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Bá N; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được; Anh N không cấp dưỡng nuôi cháu H vì chị T không yêu cầu.

Anh N khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con từ chị T sang anh đối với con chung Nguyễn Quốc H. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N giao con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T kháng cáo không đồng ý.

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì sau khi giải quyết ly hôn và con chung, chị T và cháu H về sống cùng bà Phùng Thị T (mẹ đẻ của chị T) tại , xã M, huyện T. Vì điều kiện kinh tế chị T gửi con cho mẹ đẻ nuôi dưỡng để đi làm việc tại Thái Nguyên, thường tháng gửi tiền và về T con một lần (phù hợp với lời khai của bà T (BL 61 và Biên bản xác minh tại xã M (BL60), cũng như lời thừa nhận của chị T (tại phiên tòa chị khai đi làm tại công ty Samsung ở Thái Nguyên từ tháng 12 năm 2021). Như vậy, có căn cứ khẳng định chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung, nhưng chị không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung thì anh N hiện tại có tài sản hợp đồng góp vốn vào Karaooke IDOL, tại số 16 đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Tài sản sỡ hữu một chiếc xe ô tô nhãn hiệu HUYNDAI Santafe và cung cấp tài liệu chứng minh thu nhập từ 8.800.000 đồng đến 38.800.000 đồng/tháng. Chị T cũng có thu nhập hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Như vậy, điều kiện chăm sóc, nuôi con và đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung của chị T và anh N là ngang nhau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T trình bầy anh N trước đây có phạm tội chứa mại dâm, nay tiếp tục làm công việc kinh doanh Karaoke thì môi trường nuôi dạy con không lành mạnh, ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của con; bản án chị T cung cấp anh N thừa nhận, nhưng sự việc phạm tội của anh N phạm tội từ năm 2015 trước thời điểm chị T và anh N quen biết và nên nghĩa vợ chồng với nhau; Chị T không có căn cứ nào khác chứng minh từ khi phạm tội đến nay anh N tiếp tục phạm tội, chị cho rằng với nghề nghiệp kinh doanh Karaoke của anh N không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến con chung nhưng chị không có căn cứ chứng minh việc không lành mạnh. Chị khẳng định hiện nay chị đã bỏ làm việc tại Thái Nguyên mà làm việc tại Than Uyên, nên chị thực hiện tốt việc nuôi con chung vì chị có tài khoản tiền gửi, có thu nhập điều này là đúng. Tuy nhiên chị đã thừa nhận khi được quyền trực tiếp nuôi con chị đã không thực hiện tốt. Do vậy, bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện của các bên khi có đơn kiện đến tòa và chấp nhận yêu cầu của anh N giao cháu H cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ.

Từ nhận định phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vấn đề khác: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định chị T vi phạm Điều 69, 71, 72 Luật Hôn nhân và gia đình là đúng nên cần áp dụng các điều luật này trong phần quyết định, do vậy cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2023/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Căn cứ Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Bá N.

1. Giao con chung Nguyễn Quốc H, sinh ngày 21/11/2019 cho nguyên đơn anh Nguyễn Bá N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị T phải giao con chung Nguyễn Quốc H cho nguyên đơn Nguyễn Bá N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bị đơn không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con của nguyên đơn.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: AA/2021/0000998, ngày 31/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- TAND huyện Than Uyên- Lai Châu;
- VKSND huyện Than Uyên- Lai Châu;
- CCTHADS huyện Than Uyên-Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà